

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết công bố công khai Về việc bố công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non Bắc Sơn

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí "Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội; Dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2024";

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo Thành phố Uông Bí "Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội; Dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2024";

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-PGDĐT ngày 09/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho học sinh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-PGDĐT ngày 11/12/2024 của trường mầm non Bắc Sơn về việc cấp bổ sung kinh phí không tự chủ chế độ cho học sinh năm 2024 của trường mầm non Bắc Sơn;

Hôm nay, vào hồi 16h00' ngày 06/5/2025, Trường mầm non Bắc Sơn thực hiện kết thúc niêm yết công bố công khai Về việc bố công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non Bắc Sơn.

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, CC, VC, NV của trường mầm non Bắc Sơn gồm: 28 người

Tổng số có mặt: 28 người

Vắng: 0 người

- Chủ trì: Kô Thị Liên

- Chức vụ: Hiệu Trưởng

- Đại diện CĐ: Nguyễn Thị Thanh Tâm

- Chức vụ: Chủ tịch CĐ

- Đại diện Ban TTND: Tạ Thị Hòa

- Chức vụ: TB- TTND

- Đ/c: Trần Thị Phương Thảo

- Chức vụ: Thư ký

- Đ/c: Nguyễn Thị Hà - Chức vụ: Kế toán

2. Nội dung:

- Tiến hành lập biên bản kết thúc Về việc bố công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non Bắc Sơn theo Quyết định số 130/QĐ-MNBS ngày 06/2/2025.

- Trong thời gian niêm yết công khai kể từ ngày 06/2/2025 đến ngày 06/5/2025 không có cá nhân hay tổ chức nào có ý kiến về nội dung niêm yết công bố công khai thực Về việc bố công khai quyết toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non Bắc Sơn.

Việc tiến hành kết thúc niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 16h30' cùng ngày. Biên bản kết thúc niêm yết được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản lập thành 02 (hai) bản, 01 bản kế toán lưu, 01 bản gửi đ/c Chủ trì.

HIỆU TRƯỞNG

Kô Thị Liên

**TRƯỞNG BAN
TTND**

Tạ Thị Hòa

**CHỦ TỊCH CÔNG
ĐOÀN**

Nguyễn Thị Thanh Tâm

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hà

THƯ KÝ

Trần Thị Phương Thảo

Họ và tên: Đoàn Văn Tuấn
Ngày ký: 06/02/2025, 15:17:11
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KINH LƯƠNG BƯ - Đường
Hành
Hội đồng: Trình duyệt và sơ đồ
chức vụ xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường mầm non Bắc Sơn

Mã DVQHNS: 1101S4S

Mã cấp NS: 3

BẢNG DỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	123.350.000	728.541.800	728.541.800	728.541.800	711.387.700	711.387.700	0	0	0	17.154.100
13	071	00000	0	4.007.950.000	4.904.006.600	4.904.006.600	4.904.006.600	4.867.246.600	4.867.246.600	0	0	36.760.000	36.760.000
18	071	-00000	0	0	142.560.000	142.560.000	142.560.000	142.560.000	142.560.000	0	0	0	0
Cộng:			0	4.131.300.000	5.775.108.400	5.775.108.400	5.775.108.400	5.721.194.300	5.721.194.300	0	0	36.760.000	53.914.100

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Quang

Nghị ký: 06/02/2025, 15:17:10
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Tổng BƯ - Đường Nhà

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nghị ký: 06/02/2025, 11:12:10
Chức danh: Trưởng mầm non Bắc Sơn

Nghị ký: 06/02/2025, 11:12:10
Chức danh: Trưởng mầm non Bắc Sơn

BẢNG ĐỔI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	2.222.949.219	2.222.949.219	2.222.949.219	2.222.949.219
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	43.740.225	43.740.225	43.740.225	43.740.225
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	719.284.770	719.284.770	719.284.770	719.284.770
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	2.430.000	2.430.000	2.430.000	2.430.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	336.729.239	336.729.239	336.729.239	336.729.239
Thưởng thường xuyên	13	071	6201	00000	0	0	14.910.000	14.910.000	14.910.000	14.910.000
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	17.778.900	17.778.900	17.778.900	17.778.900
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	514.018.046	514.018.046	514.018.046	514.018.046
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	88.117.374	88.117.374	88.117.374	88.117.374
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	58.744.914	58.744.914	58.744.914	58.744.914
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	29.372.463	29.372.463	29.372.463	29.372.463
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	071	6404	00000	0	0	127.670.303	127.670.303	127.670.303	127.670.303
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	17.471.884	17.471.884	17.471.884	17.471.884
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	17.552.163	17.552.163	17.552.163	17.552.163
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	63.853.000	63.853.000	63.853.000	63.853.000

Khoản văn phòng phẩm	13	071	6553	00000	0	0	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	28.369.000	28.369.000	28.369.000	28.369.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	2.082.387	2.082.387	2.082.387	2.082.387
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	071	6608	00000	0	0	4.274.900	4.274.900	4.274.900	4.274.900
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	071	6701	00000	0	0	3.560.000	3.560.000	3.560.000	3.560.000
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	071	6703	00000	0	0	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	149.760.000	149.760.000	149.760.000	149.760.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	16.600.000	16.600.000	16.600.000	16.600.000
Đường điện, cáp thoát nước	13	071	6921	00000	0	0	1.596.313	1.596.313	1.596.313	1.596.313
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	071	7012	00000	0	0	1.204.000	1.204.000	1.204.000	1.204.000
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	319.127.500	319.127.500	319.127.500	319.127.500
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000
Thường xuyên	18	071	6201	00000	0	0	142.560.000	142.560.000	142.560.000	142.560.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	12	071	6156	00000	0	0	312.500	312.500	312.500	312.500
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	0	0	7.350.000	7.350.000	7.350.000	7.350.000
Tiền vệ sinh, môi trường	12	071	6504	00000	0	0	33.187.500	33.187.500	33.187.500	33.187.500
Vật tư văn phòng khác	12	071	6599	00000	0	0	41.928.700	41.928.700	41.928.700	41.928.700
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	92.109.000	92.109.000	92.109.000	92.109.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	12	071	7012	00000	0	0	7.250.000	7.250.000	7.250.000	7.250.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	529.250.000	529.250.000	529.250.000	529.250.000
Cộng:				0	0	0	5.721.194.300	5.721.194.300	5.721.194.300	5.721.194.300

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Xuân Quang

Người ký: Trần Xuân Quang
Ngày ký: 06/02/2025 15:37:31
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN (Tổng H), Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Hà

Ngày ký: 05/02/2025 11:11:19
Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Hà

Người ký: Kô Thị Liên

Ngày ký: 05/02/2025 11:11:19
Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán

Kô Thị Liên